

Số: **92** /KH-UBND

Cầu Ngang, ngày **08** tháng 11 năm 2022

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Quyết định số 2013/QĐ-UBND ngày 13/10/2022 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch hành động triển khai thực hiện Chương trình của Chính phủ và Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn huyện Cầu Ngang

Căn cứ Quyết định số 2013/QĐ-UBND ngày 13/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch hành động triển khai thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ và Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW, ngày 02/04/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Căn cứ Kế hoạch số 82-KH/HU ngày 03/11/2022 của Ban Thường vụ Huyện ủy thực hiện Chương trình số 34-CTr/TU ngày 23/8/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Trà Vinh về thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 02/4/2022 của Bộ Chính trị.

Ủy ban nhân dân huyện Cầu Ngang ban hành Kế hoạch thực hiện Quyết định số 2013/QĐ-UBND ngày 13/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch hành động triển khai thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ và Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW, ngày 02/4/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn huyện, với các nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Việc xây dựng và ban hành Kế hoạch của Ủy ban nhân dân huyện nhằm thống nhất trong công tác chỉ đạo các ngành, các xã, thị trấn tổ chức quán triệt, triển khai quyết liệt, hiệu quả tạo sự chuyển biến rõ rệt về nhận thức và hành động của cán bộ, công chức, viên chức về tầm quan trọng của việc triển khai thực hiện số 78/NQ-CP ngày 18/6/2022 của Chính phủ và Nghị quyết số 13-NQ/TW của Bộ Chính trị.

- Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp nêu tại Kế hoạch hành động của UBND tỉnh gắn với thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh

tế - xã hội của huyện theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XII nhằm khai thác, phát huy hiệu quả, tiềm năng, lợi thế của huyện góp phần vào phát triển kinh tế - xã hội chung của tỉnh.

- Kế hoạch hành động của UBND huyện là căn cứ để các phòng, ban ngành huyện, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn xây dựng kế hoạch hành động của cơ quan, đơn vị, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao; phối hợp chặt chẽ gắn với trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị trong tổ chức thực hiện.

II. MỘT SỐ CHỈ TIÊU CỤ THỂ

1. Chỉ tiêu đến năm 2030

1.1. Về kinh tế

(1) Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất tăng bình quân thời kỳ 2021-2030 đạt khoảng 12,96%/năm, trong đó: Công nghiệp-xây dựng tăng 18,5%/năm (Công nghiệp tăng 21,48%/năm, xây dựng tăng 17%/năm); dịch vụ tăng 15%/năm; nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,54%/năm.

(2) Thu nhập bình quân/người năm 2030 đạt khoảng 6.794 USD.

(3) Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tăng bình quân từ 12%/năm

(4) Huy động vốn đầu tư phát triển toàn xã hội thời kỳ 2021-2030 đạt trên 75 nghìn tỷ đồng (trong đó, giai đoạn 2021 – 2025 đạt 25 nghìn tỷ đồng).

1.2. Về văn hóa, xã hội, giáo dục, y tế

(5) Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 82%; trong đó: có bằng cấp, chứng chỉ đạt 50%. Hàng năm, tạo việc làm mới cho khoảng 3.000 lao động.

(6) Có 11-13 bác sĩ/1 vạn dân, 30-32 giường bệnh/1 vạn dân.

(7) Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế so với dân số đạt 98%.

(8) Tỷ lệ trẻ em đi học trong độ tuổi các cấp đạt tỷ lệ: tiểu học đạt 100%, THCS đạt 99,5%, THPT đạt 95,5%.

1.3. Về bảo vệ môi trường

(9) Tỷ lệ cư dân được sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh đạt 100% (đến năm 2025 đạt 99,85%).

(10) Chất thải nguy hại được xử lý đạt 100%, chất thải rắn y tế được xử lý đạt 100%.

(11) Tỷ lệ độ che phủ rừng đạt trên 3% diện tích tự nhiên.

1.4. Về không gian và kết cấu hạ tầng

(12) Xây dựng nông thôn mới: Đạt huyện nông thôn mới, đạt 100% xã đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao, trong đó: đến năm 2025, có 13 xã đạt chuẩn xã nông thôn mới (đạt 100% tổng số xã), có 08 xã đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao.

(13) Hạ tầng đầu tư phát triển cơ bản theo hướng đồng bộ, hiện đại. Hạ tầng giao vận tải thông suốt, an toàn; điện đảm bảo tốt nhu cầu sản xuất và sinh hoạt; nguồn nước phục vụ sản xuất và sinh hoạt được đảm bảo; hệ thống đê điều, hồ đập an toàn; hạ tầng xã hội đáp ứng nhu cầu phát triển.

1.5. Về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội

(14) Giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội.

(15) Có 100% cơ quan, đơn vị; 95% xã, thị trấn an toàn về an ninh trật tự.

(16) Giữ vững 100% xã, thị trấn vững mạnh về quốc phòng - an ninh.

2. Tầm nhìn phát triển đến năm 2045

2.1. Về kinh tế

Duy trì tốc độ tăng trưởng khá, bình quân đạt 13-15%/năm giai đoạn 2031-2045; GRDP bình quân/người ở mức cao.

Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng hiện đại, Dịch vụ chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu kinh tế, trong đó dịch vụ du lịch phát triển mạnh mẽ, các ngành dịch vụ mới được phát huy; Công nghiệp phát triển bền vững, hình thành một số cụm ngành với sản phẩm chủ lực, tham gia hiệu quả vào chuỗi giá trị; Nông nghiệp chiếm tỷ trọng nhỏ, song là yếu tố quan trọng đảm bảo an ninh lương thực và sự ổn định xã hội.

Năng suất lao động đạt mức cao, là yếu tố mang lại sức cạnh tranh mạnh mẽ của nền kinh tế.

2.2. Về lĩnh vực xã hội

Quan tâm đặc biệt đến phát triển con người toàn diện, chỉ số HDI đạt mức cao. Các chuẩn mực, giá trị văn hóa được giữ gìn và củng cố; Trường học đạt chuẩn quốc gia ở mức cao và theo tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn của các nước phát triển; Y tế phát triển đạt trình độ cao, người dân được hưởng chế độ chăm sóc thuận lợi, chất lượng; Tỷ lệ lao động chất lượng cao chiếm đa số, cơ cấu lao động tiến bộ, phù hợp với nhu cầu thị trường. Không còn hộ nghèo, các đối tượng bảo trợ được bảo vệ, chăm sóc đầy đủ.

2.3. Về bảo vệ môi trường

Môi trường được bảo vệ, nhiều vấn đề môi trường được khắc phục và củng cố tốt hơn. Nguồn nước cho sản xuất và sinh hoạt được đảm bảo về số lượng, chất lượng; 100% chất thải sinh hoạt được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường; nước thải tại các đô thị được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn trên 90%.

2.4. Về không gian và kết cấu hạ tầng

Hạ tầng đầu tư phát triển đồng bộ, hiện đại. Hạ tầng giao vận tải với nhiều hình thức tiên tiến, nhanh, thuận lợi, an toàn; điện đảm bảo tốt nhu cầu sản xuất và sinh hoạt; hệ thống đê điều, hồ đập an toàn; hạ tầng xã hội đáp ứng nhu cầu phát triển.

2.5. Về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội

Duy trì xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn, đảm bảo cuộc sống bình yên, hạnh phúc của nhân dân.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Công tác quán triệt, tuyên truyền, tạo sự thống nhất, đồng thuận của xã hội trong xây dựng, tổ chức thực hiện Chương trình của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Kế hoạch hành động của Ủy ban nhân dân tỉnh và Kế hoạch của Ủy ban nhân dân huyện trong thực hiện Nghị quyết số 78/NQ-CP của Chính phủ

- Các phòng, ban ngành huyện và Ủy ban nhân dân xã, thị trấn khẩn trương nghiên cứu, triển khai, quán triệt nội dung của Nghị quyết số 78/NQ-CP của Chính phủ, Chương trình số 34-Ctr/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Quyết định số 2013/QĐ-UBND của UBND tỉnh và Kế hoạch này nhằm tạo sự chuyển biến về nhận thức, tạo quyết tâm cao của các ngành, các cấp về nhiệm vụ xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của huyện, của tỉnh và vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Các phòng, ban ngành huyện, Trung tâm Văn hóa – Thông tin và Thể thao và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn thực hiện tuyên truyền, phổ biến thông tin về Nghị quyết số 78/NQ-CP của Chính phủ, Chương trình số 34-Ctr/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Quyết định số 2013/QĐ-UBND của UBND tỉnh và Kế hoạch này bằng nhiều hình thức, phương thức truyền thông đa dạng để đạt hiệu quả cao nhất.

2. Tập trung thực hiện tốt công tác hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển và đẩy mạnh liên kết vùng

- Tập trung công tác quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng, đảm bảo thực hiện các tiêu chí trong xây dựng mở rộng thị trấn Cầu Ngang, phấn đấu đưa huyện Cầu Ngang trở thành huyện phát triển mạnh mẽ.

- Tập trung rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển các ngành, lĩnh vực, nhất là về thu hút đầu tư, hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp, kinh tế tập thể.

3. Tập trung phát triển kinh tế nhanh, bền vững

Phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng nhanh và bền vững, tạo sức bật mới trong phát triển kinh tế - xã hội. Tranh thủ, huy động tối đa các nguồn lực, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, khai thác tốt các tiềm năng, lợi thế của huyện, ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Phân định, phát triển các vùng kinh tế trọng điểm của huyện; trong đó:

3.1. Phát triển ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản

Phát triển theo hướng nâng cao chất lượng tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu nội bộ ngành để nâng cao hiệu quả, bảo đảm nguyên liệu cho công nghiệp chế biến và hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn. Phấn đấu tốc độ tăng giá trị sản xuất tăng bình quân giai đoạn 2021 - 2030: 2,54%/năm.

a. Nông nghiệp

- Trồng trọt: Chú trọng sản xuất lúa chất lượng cao, giống lúa sạch, lúa hữu cơ; đầu tư thâm canh và mở rộng diện tích cây màu, xác định vùng chuyên canh sản xuất tập trung theo hình thức cánh đồng lớn trên các loại cây màu có giá trị kinh tế và thị trường tiêu thụ tương đối ổn định.

- Chăn nuôi: Phát triển chăn nuôi theo hướng công nghiệp ứng dụng công nghệ sinh học ở các khu chăn nuôi tập trung, giảm thiểu ô nhiễm môi trường; kiểm soát chặt chẽ dịch bệnh trên đàn vật nuôi; tổ chức lại hệ thống giết mổ tập trung bảo đảm vệ sinh, an toàn thực phẩm; quản lý chặt chẽ việc sử dụng thuốc thú y và các chất phụ gia, chấm dứt sử dụng chất cấm trong chăn nuôi. Hình thành trung tâm giao dịch, trung chuyển và chế biến bò tại xã Hiệp Hòa, làm đầu mối liên kết với các doanh nghiệp cung ứng vật tư đầu vào và tiêu thụ sản phẩm, theo chuỗi giá trị, giảm bớt khâu trung gian.

b. Nuôi trồng thủy sản

Đẩy mạnh phát triển nuôi thủy sản toàn diện ở cả 03 vùng nước mặn, lợ và ngọt, đa dạng hóa đối tượng nuôi phù hợp, có giá trị kinh tế cao, sản xuất theo hướng an toàn dịch bệnh và sản xuất thủy sản sạch. Quản lý tốt con tôm giống, hình thành và phát triển nuôi tôm theo hướng thâm canh mật độ cao, nuôi 2 giai đoạn ở những nơi có đủ điều kiện sản xuất, tăng cường nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ tiên tiến. Đồng thời, đẩy mạnh phát triển khai thác, đánh bắt thủy, hải sản; thực hiện chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư nâng cấp, đóng mới nhiều tàu có công suất lớn từ 200CV trở lên cùng với hiện đại hóa các ngư cụ để tăng năng suất và sản lượng khai thác các loại hải sản có giá trị cao, xây dựng lực lượng đánh bắt xa bờ với tham gia bảo vệ chủ quyền biển đảo.

c. Lâm nghiệp

Đẩy mạnh chăm sóc, bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ hiện có. Tiếp tục giao đất, giao rừng và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rừng cho người dân; nâng cao năng lực, trách nhiệm của chính quyền các cấp trong công tác bảo vệ rừng. Xử lý nghiêm các trường hợp phá rừng và vận chuyển lâm sản trái phép.

d. Phát triển nông thôn

Đến năm 2025 có 100% xã đạt tiêu chí xã nông thôn mới, xây dựng thành công huyện nông thôn mới, có trên 60% xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao. Đến năm 2030 có 100% xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

e. Phát triển kinh tế hợp tác xã và kinh tế trang trại

Tập trung củng cố, nâng cao chất lượng các hợp tác xã hiện có; tiếp tục xây dựng hợp tác xã kiểu mới ở những nơi có điều kiện, nhất là các xã nông thôn mới. Phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động tổ hợp tác nhằm tạo mối liên kết chặt chẽ trong sản xuất kinh doanh, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, góp phần tăng thu nhập cho người lao động, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

3.2. Phương hướng phát triển ngành công nghiệp

Phát huy tối đa các tiềm năng, lợi thế, phát triển công nghiệp theo hướng hiện đại, có chọn lọc, trên cơ sở đẩy mạnh ứng dụng công nghệ mới, chú trọng các ngành, lĩnh vực có lợi thế: sản xuất năng lượng điện, chế biến nông, thủy sản

thực phẩm, may mặc, cơ khí chế tạo nông cụ, đóng và sửa chữa tàu,... Thực hiện đa dạng hóa và nâng cao chất lượng sản phẩm, ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao, thân thiện với môi trường, hướng tới xây dựng thương hiệu, đẩy mạnh xuất khẩu.

Bố trí các nhà máy sản xuất chế biến theo nguyên tắc gần vùng nguyên liệu, kết hợp nhà máy chế biến thành phẩm với nhà máy chế biến thức ăn gia súc để tận dụng phụ phẩm thủy sản nâng cao hiệu quả sản xuất, hạn chế ô nhiễm môi trường. Đa dạng hóa các sản phẩm chế biến, nhất là sản phẩm chế biến xuất khẩu, tận dụng tối đa nguồn nguyên liệu trong huyện và trong tỉnh. Nâng cao tỷ lệ sản phẩm chế biến sâu và giảm dần các sản phẩm chế biến thô để nâng cao giá trị các sản phẩm xuất khẩu, đảm bảo phát triển bền vững. Mở rộng quy mô, nâng công suất, đổi mới công nghệ các nhà máy; xây dựng nhà máy chế biến mới có công nghệ hiện đại, nhằm đáp ứng ngày càng cao nhu cầu của thị trường, nâng cao năng suất lao động, bảo vệ môi trường.

Đẩy mạnh phát triển và sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo (gió, mặt trời) cho sản xuất điện, từng bước nâng cao tỷ trọng nguồn điện sản xuất từ nguồn năng lượng tái tạo, bảo vệ môi trường và phát triển kinh tế - xã hội bền vững; góp phần đảm bảo an ninh năng lượng. Hình thành và phát triển hệ thống điện thông minh, có khả năng tích hợp với nguồn năng lượng tái tạo tỷ lệ cao.

3.3. Phương hướng phát triển ngành thương mại, dịch vụ

Phát triển thương mại theo hướng hiện đại, nâng cao khả năng tham gia điều tiết, cân đối cung cầu, đảm bảo lưu thông hàng hoá thông suốt, cung cấp đầy đủ các loại vật tư, mặt hàng thiết yếu cho sản xuất và đời sống, bảo vệ lợi ích của người tiêu dùng, người sản xuất. Thu hút nguồn lực của các thành phần kinh tế để thực hiện nâng cấp, hoàn thiện cơ sở hạ tầng thương mại theo hướng văn minh hiện đại, thân thiện với môi trường; phát triển thị trường huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh trong mối quan hệ với thị trường của vùng và cả nước, gắn hiệu quả kinh doanh với yêu cầu thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đẩy mạnh xuất khẩu, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế.

Phát triển du lịch sinh thái ven biển gắn với Lễ hội Nghinh ông của ngư dân Mỹ Long và các lễ hội truyền thống của đồng bào dân tộc. Mặt khác, phát triển du lịch gắn với tôn tạo, bảo tồn và nâng cấp các di tích lịch sử Đồng khởi, di tích văn hóa.

3.4. Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Phát triển khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp. Tăng cường đào tạo, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ đủ khả năng tiếp thu, làm chủ, phát triển và chuyển giao các công nghệ tiên tiến, hiện đại hóa công nghệ truyền thống; có nhiều công trình nghiên cứu giá trị trên các lĩnh vực khoa học và công nghệ.

Tăng cường cử cán bộ tham gia đào tạo, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ quản lý khoa học công nghệ cấp huyện. Tăng cường ứng dụng khoa học và công nghệ vào sản xuất và đời sống phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội ở huyện; chú trọng xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất có hiệu quả, các chương trình cây giống, con giống chất lượng cao, công nghệ chế biến, bảo quản nông sản, thủy sản... Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin

trong hoạt động điều hành, quản lý nhà nước, trong công tác cải cách hành chính.

4. Phát triển văn hóa – xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân

4.1. Giáo dục đào tạo, phát triển nguồn nhân lực

Xây dựng nền giáo dục mở, cơ cấu, phương thức giáo dục phù hợp điều kiện thực tiễn địa phương. Nâng cao chất lượng giáo dục theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, dân chủ hóa, xã hội hóa và hội nhập quốc tế. Chú trọng giáo dục đạo đức, lối sống, năng lực sáng tạo, kỹ năng thực hành cho học sinh, tạo nguồn nhân lực để đáp ứng yêu cầu phát triển KTXH. Phát triển hệ thống giáo dục phổ thông gắn kết chặt chẽ với giáo dục kỹ thuật nghề nghiệp phù hợp với đặc điểm và trình độ phát triển kinh tế - xã hội của huyện để tạo cơ hội thuận lợi cho học sinh và người dân tiếp tục đào tạo kỹ năng nghề nghiệp và tham gia vào thị trường lao động.

Đến năm 2030, giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên cơ bản đạt được mục tiêu đổi mới căn bản, toàn diện, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế. Đồng thời, xây dựng nền giáo dục mở, thực học, thực nghiệp, dạy tốt, học tốt, quản lý tốt, từ số lượng sang chú trọng chất lượng và hiệu quả; có cơ cấu và phương thức giáo dục hợp lý, gắn với xây dựng xã hội học tập.

4.2. Y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân

Xây dựng và hoàn thiện hệ thống y tế huyện Cầu Ngang giai đoạn 2021 - 2030 tầm nhìn đến năm 2045 theo hướng đa dạng, hiệu quả và phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội của huyện nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của nhân dân trong bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân; bảo đảm mọi người dân được công bằng trong tiếp cận và hưởng thụ các dịch vụ y tế có chất lượng; người dân được sống trong cộng đồng an toàn, phát triển tốt về thể chất và tinh thần; giảm tỷ lệ mắc bệnh tật, nâng cao thể lực, tăng tuổi thọ, nâng cao chất lượng dân số góp phần cải thiện chất lượng nguồn nhân lực phục vụ yêu cầu của quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá của địa phương.

4.3. Văn hóa, thể thao

Xây dựng, phát triển sự nghiệp văn hóa, thể dục thể thao tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, thống nhất trong đa dạng của cộng đồng các dân tộc trên địa bàn huyện gắn với mục tiêu phát triển con người, đáp ứng yêu cầu phát triển của xã hội và con người trong điều kiện đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Kết hợp các phương thức truyền thống với áp dụng tích cực các thành quả của Cách mạng công nghiệp 4.0 nhằm xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, hướng mọi hoạt động văn hóa, thể dục thể thao vào việc xây dựng con người phát triển toàn diện về chính trị, tư tưởng, đạo đức, năng lực sáng tạo, tuân thủ pháp luật, có ý thức cộng đồng, có lối sống văn hóa, quan hệ hài hòa trong gia đình, cộng đồng và xã hội. Đảm bảo cho người dân các địa phương, vùng, miền trong huyện bình đẳng trong cơ hội đóng góp và hưởng thụ các thành quả của phát triển văn hóa, thể dục thể thao.

4.4. An sinh xã hội

Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các chính sách, giải pháp, chương trình, đề án về giải quyết việc làm; phát triển hệ thống thông tin thị trường lao động; nâng cao năng lực dự báo thị trường lao động theo ngành nghề, trình độ trong ngắn hạn và dài hạn. Khuyến khích xã hội hóa trong công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực trên địa bàn huyện. Nâng cao chất lượng công tác đào nghề gắn với giải quyết đầu ra sau đào tạo, chú trọng các ngành nghề, dịch vụ thu hút nhiều lao động.

Tập trung thực hiện đồng bộ và có hiệu quả các chính sách hỗ trợ về y tế, giáo dục, tín dụng, nhà ở, đất sản xuất,... đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào dân tộc. Ưu tiên nguồn lực đầu tư cơ sở hạ tầng và phát triển, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực vùng đồng bào dân tộc thiểu số, xã đặc biệt khó khăn.

Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách, chế độ ưu đãi người có công. Quan tâm chăm lo cho gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng; hoàn thành xây dựng nhà tình nghĩa cho các gia đình chính sách; tiếp tục duy trì nâng cao mức sống của người có công ngang bằng hoặc cao hơn mức sống trung bình của người dân địa phương. Tập trung thực hiện đầy đủ các chính sách trợ giúp xã hội, từng bước cải thiện, nâng cao mức sống, tạo điều kiện để các đối tượng bảo trợ xã hội khắc phục khó khăn, vươn lên trong cuộc sống.

Tuyên truyền thực hiện các quyền trẻ em, đảm bảo cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được bảo vệ, chăm sóc; tạo môi trường an toàn, lành mạnh để trẻ em được phát triển toàn diện; ngăn chặn và phòng ngừa các nguy cơ xâm hại trẻ em; đảm bảo cho trẻ em được bảo vệ an toàn, học hành, chăm sóc sức khỏe phát triển mọi mặt về thể lực, trí lực. Thường xuyên quan tâm chăm sóc các đối tượng người cao tuổi, người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; thực hiện tốt công tác bảo trợ xã hội, dựa vào cộng đồng để phát triển bảo trợ xã hội, khuyến khích các hoạt động nhân đạo, từ thiện trợ giúp đối với nhóm dân cư yếu thế, khó khăn, gặp rủi ro, thiên tai, bệnh tật.

5. Công tác đảm bảo quốc phòng, an ninh

Củng cố vững chắc quốc phòng an ninh; nâng cao khả năng sẵn sàng chiến đấu cao, không để bị động, bất ngờ và xử lý kịp thời, hiệu quả các tình huống, không để trở thành “điểm nóng” về an ninh, trật tự, bảo đảm giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Tập trung giải quyết hiệu quả các vụ việc khiếu nại, tố cáo mới phát sinh, giải quyết dứt điểm các vụ việc khiếu nại, tố cáo tồn đọng, kéo dài. Đảm bảo môi trường thuận lợi, an toàn cho các hoạt động kinh tế và đời sống của nhân dân.

Quán triệt sâu sắc đường lối, quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về chiến lược an ninh quốc gia, bảo vệ tổ quốc, nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của toàn Đảng bộ, quân và dân đối với nhiệm vụ quốc phòng - an ninh, tinh thần cảnh giác trước các âm mưu, thủ đoạn trong chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn, lật đổ của các thế lực thù địch. Tăng cường vận động nhân dân tham gia xây dựng nền quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân trong tình hình mới. Hoàn thành chỉ tiêu tuyển quân hàng năm với chất lượng ngày càng được nâng lên. Củng cố và giữ vững 100% xã, thị trấn vững mạnh về quốc phòng - an ninh.

Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, củng cố xây dựng, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của lực lượng công an, quân sự, biên phòng theo hướng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại. Thực hiện tốt công tác huấn luyện, diễn tập, tuyển quân, tuyển sinh, các chính sách đối với lực lượng vũ trang, chính sách hậu phương quân đội. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng - an ninh; tiếp tục điều chỉnh, bổ sung phương án, kế hoạch của các cấp, các ngành, các lực lượng; xây dựng các tiềm lực trong khu vực phòng thủ ngày càng vững chắc; chú trọng địa bàn trọng điểm và vùng biển. Nâng cao hiệu quả hiệp đồng, tác chiến giữa công an, quân đội và biên phòng nhằm đảm bảo yêu cầu hỗ trợ kịp thời giữa các lực lượng xử lý nhanh chóng các tình huống.

Thực hiện tốt công tác an ninh chính trị, an ninh văn hóa tư tưởng. Tăng cường các biện pháp phòng ngừa, đấu tranh với các loại tội phạm. Ngăn chặn đẩy lùi tai nạn giao thông, các tệ nạn xã hội. Gắn kết chặt chẽ giữa công tác bảo vệ an ninh nông thôn với công tác xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư.

6. Tập trung xây dựng hệ thống chính trị

- Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện tổ chức bộ máy và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị từ huyện đến cơ sở; xây dựng tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả quản lý theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII.

- Triển khai thực hiện nghiêm túc và có hiệu quả Kết luận số 28-KL/TW, ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; nâng cao hiệu quả các chương trình đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; quan tâm công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trong môi trường quốc tế.

- Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực lãng phí.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao chất lượng thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông. Tiếp tục triển khai thực hiện và hoàn thiện chính quyền điện tử, dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4; xây dựng chính quyền thông minh, chính quyền số.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ các chỉ tiêu, nhiệm vụ giải pháp nêu trên, Thủ trưởng các phòng, ban ngành huyện, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn căn cứ chức năng, nhiệm vụ của ngành, địa phương:

a. Nghiêm túc triển khai thực hiện nhanh, hiệu quả, thực chất, toàn diện nhiệm vụ, giải pháp đã được đề ra tại Quyết định số 2013/QĐ-UBND ngày 13/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh và các nhiệm vụ, giải pháp nêu tại Kế hoạch này; chủ động triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể của đơn vị, địa phương mình, kịp thời xử lý hoặc đề xuất cấp thẩm quyền xử lý vấn đề

phát sinh, đề cao trách nhiệm người đứng đầu trong việc giám sát, tổ chức thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ được giao.

b. Xây dựng, ban hành Kế hoạch cụ thể triển khai thực hiện Kế hoạch này, trong đó xác định rõ, đầy đủ các mục tiêu, nhiệm vụ, tiến độ thực hiện, dự kiến kết quả đối với từng nhiệm vụ của đơn vị, địa phương mình.

c. Định kỳ hàng năm, Thủ trưởng các phòng, ban ngành trực thuộc, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn báo cáo tình hình, kết quả thực hiện về UBND huyện (thông qua Phòng Tài chính – Kế hoạch) trước ngày 30/11 để tổng hợp gửi về tỉnh đúng theo thời gian quy định. Trong quá trình tổ chức thực hiện, kịp thời đề xuất các nội dung điều chỉnh để phù hợp với tình hình thực tiễn, gửi Phòng Tài chính – Kế hoạch để tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện xem xét, giải quyết.

2. Đề nghị Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện, các tổ chức chính trị - xã hội phối hợp chặt chẽ với cơ quan hành chính nhà nước cấp huyện, xã, thị trấn tăng cường giám sát thực thi công vụ, phản biện xã hội và đóng góp ý kiến, góp phần tạo đồng thuận trong công tác tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này.

3. Phòng Văn hóa và Thông tin, Trung tâm Văn hóa – Thông tin và Thể thao phối hợp chặt chẽ với các phòng, ban ngành huyện và UBND các xã, thị trấn tổ chức phổ biến, tuyên truyền rộng rãi Kế hoạch này.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh Trà Vinh;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Phòng, ban ngành, đoàn thể huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- BLĐVP;NC;
- Lưu: VT. *huc*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Ngà